

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 234/2018/HSPT

Ngày 24-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hương.

Bà Lê Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 196/2018/HSPT ngày 18/6/2018, đối với bị cáo **Lương Văn T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 16/2018/HSST ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Lương Văn T**, sinh năm 1996, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Xã Ia R, huyện Ea S, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Thái; con ông Lương Văn L, sinh năm 1962 và con bà Lê Thị H, sinh năm 1972.

Nhân thân: Tại bản án số 37/2017/HSST ngày 27/9/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Ngày 03/3/2018, Lương Văn T đã chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, còn có 02 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị.

- Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn T: Bà Nguyễn Thị Bích N - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 15 phút ngày 22/5/2017, Lương Văn T và Ngân Văn N1 đi xe mô tô từ bến xe huyện Ea Súp đến khu vực ngã tư “Thu Phương” thuộc thị trấn Ea S. Tại đây, N1 nói với T đứng chờ để N1 đi có việc rồi quay lại. T xuống xe đứng chờ còn N1 điều khiển xe chạy về hướng thôn 08, thị trấn Ea S. Trong lúc chờ N1 thì T đi bộ đến dãy phòng trọ của ông Hà Văn L1 ở thị trấn Ea S, huyện Ea S thấy có 01 chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 47S1-139.60, nhãn hiệu HONDA, loại BLADE, màu sơn đen - đỏ của chị Nguyễn Thị H1 đang dựng ở phòng trọ đầu tiên, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện. T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này nên khi N1 quay lại, T nói với N1 “Có chiếc xe có gắn chìa khóa trên xe mà có dám lấy không”, N1 đồng ý rồi T dẫn N1 đến và chỉ cho N1 chiếc xe của chị H1. Sau đó, N1 đưa xe mô tô của mình cho T điều khiển còn N1 một mình đến chỗ chiếc xe của chị H1 và dắt chiếc xe ra ngoài đường rồi mở khóa khởi động máy điều khiển xe chạy đến chỗ T. Đến chỗ T, N1 nói với T chạy qua xã Ea W, huyện Ea H, khi đi qua khu vực hồ Ea S, N1 rẽ vào đường quay ngược về lại xã Ea L dừng lại xuống xe mở cốp lấy cờ lê có sẵn trong cốp xe tháo biển số xe vứt xuống suối gần đó. Sau đó, N1 tiếp tục điều khiển xe đi đến xã Cư K để gặp Hoàng Ích Đ. Khi gặp Đ, N1 nói với Đ là có chiếc xe mới trộm cắp được, có chỗ nào bán không, Đ trả lời là có. Tiếp đó N1 cùng Đ điều khiển xe mô tô trộm cắp được đi đến khu vực chợ xã Ea Wy, huyện Ea H’Leo gặp T đi trước và đang chờ ở đây. Tại đây Đ gọi điện thoại cho Hà Văn C (sinh năm 1998, trú tại xã Quảng H, huyện Đắk G, tỉnh Đắk Nông) để thỏa thuận việc bán chiếc xe mô tô trên, C trả lời là để xem xe rồi mới quyết định mua. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, C cùng với Hồ Thanh H (bạn của Chương) đến gặp Đ tại vườn Cao su thuộc xã Ea W. N1 và C thỏa thuận mua bán chiếc xe với giá 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Sau khi bán xe N1 chia cho T và Đáo mỗi người 700.000 đồng còn N1 dùng 1.000.000 đồng để mua ma túy sử dụng chung với T và Đ, dùng 150.000 đồng trả tiền nước uống và thuốc lá. Số tiền còn lại N1 tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp đã thu giữ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại BLADE màu sơn đen - đỏ mang biển kiểm soát 47S1-139.60, số máy JA6E0453376, số khung 3652GY014452.

Tại kết L1 về việc định giá tài sản số: 40/KL-HĐĐG, ngày 12/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Ea Súp kết L1: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại BLADE màu sơn đen - đỏ, biển kiểm soát 47S1-139.60, số máy JA6E0453376, số khung 3652GY014452, xe đã qua sử dụng trị giá 17.000.000 đồng, chiếc xe này đã trả cho chủ sở hữu.

*** Tại bản án số 16/2018/HSST ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 138, các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Lương Văn T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời gian chấp hành án được tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với 02 bị cáo khác, về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 15/5/2018, bị cáo Lương Văn T kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 15/5/2018, bị hại Nguyễn Thị H1 làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Lương Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng cũng như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án hành vi phạm tội của bị cáo Lương Văn T là nguy hiểm cho xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù là tương xứng với tính chất mức độ do hành vi phạm tội gây ra. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, tại Tòa án cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo T. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2018/HSST ngày 02/05/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Lương Văn T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời gian chấp hành án được tính từ ngày bắt thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*** Người bào chữa chữa cho bị cáo Lương Văn T - Bà Nguyễn Thị Bích N - Trợ giúp viên pháp lý, trình bày lời bào chữa:** Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lương Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 là đúng. Tuy nhiên về mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù có phần nghiêm khắc. Bởi vì, bị cáo là người dân tộc thiểu số, hiểu biết pháp luật hạn chế, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, sau khi xét xử sơ thẩm xong người bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Lương Văn T, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và người bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lương Văn T vắng mặt không có lý do, người bào chữa cho bị cáo là bà Nguyễn Thị Bích N trình bày: Bị cáo T trên đường đi lên Tòa án để tham gia phiên tòa thì bị hỏng xe, khi sửa xe thì bị vật cứng bắn vào mắt. Song bà Na không đưa ra chứng cứ gì để chứng minh bị cáo bị cáo bị hỏng xe đồng thời bị vật rắn bắn vào mắt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 BLTTHS để tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Lời khai của bị cáo Lương Văn T tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 16h15' ngày 22/5/2017, tại thị trấn Ea S, huyện Ea S, bị cáo cùng với Ngân Văn N1 đã lén lút lấy trộm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại BLADE mang biển kiểm soát 47S1-139.60 màu sơn đen - đỏ của chị Nguyễn Thị H, tài sản có giá trị 17.000.000 đồng. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lương Văn T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Lương Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cần phân tích hành vi của bị cáo Lương Văn T là người nảy sinh ý định phạm tội và rủ rê bị cáo Ngân Văn N1 tham gia. Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù là tương xứng với tính chất mức độ do hành vi phạm tội gây ra. Sau khi trộm cắp tài sản của chị H, thì ngày 03/6/2017, bị cáo T tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Tuy nhiên hành vi trộm cắp tài sản này đã được xét xử tại bản án số: 37/2017/HSST ngày 27/9/2017 với mức hình phạt 09 tháng tù. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, tại Tòa án cấp phúc thẩm chị H là người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Song xét tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị T, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bị cáo không có căn cứ để chấp nhận. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2018/HSST ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp về phần hình phạt.

[4] Về án phí: Tuy bị cáo Lương Văn T không được chấp nhận kháng cáo, nhưng bị cáo không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm, do gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo. Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Lương Văn T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 16/2018/HSST ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138, các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999. Xử phạt bị cáo Lương Văn T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời gian chấp hành án được tính từ ngày bắt thi hành án.

[2] Về án phí: Bị cáo Lương Văn T không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm, do gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;
- CQ. CQCSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND huyện Ea Súp;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Công an huyện Ea Súp;
- Chi cục THADS huyện Ea S;
- T.H.A.HS Công an huyện Ea Súp;
- Dương sự;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Tùng